**THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**Tiết: .... Văn bản 3**

**TIẾNG VIỆT LỚP TRẺ BÂY GIỜ**

**- Phạm Văn Tình –**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

**-** Học sinh nắm được các nội dung chính của văn bản: hiện thực sử dụng tiếng Việt của phần nhiều lớp trẻ Việt Nam bây giờ, giải pháp để khắc phục những hạn chế trong việc sử dụng tiếng Việt đó.

**2. Năng lực**

- Phân tích được cách đặt nhan đề văn bản.

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản thông tin tổng hợp: thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận...; giải thích được mục đích của việc lồng ghép các yếu tố đó trong văn bản.

- Phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, mục đích và quan điểm của người viết. Nêu được ý nghĩa của văn bản thông tin đối với bản thân.

- Phân tích và đánh giá tác dụng của các yếu tố hình thức như bố cục, cách trình bày dữ liệu, thông tin của người viết trong văn bản.

**3*.* Phẩm chất:**

- Luôn có ý thức phát triển tiếng Việt, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt trong khi nói và viết.

- Có ý thức học tập nghiêm túc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Giáo viên**

- Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học .

- Thiết kế bài giảng điện tử.

- Phương tiện và học liệu:

+ Các phương tiện : Máy vi tính, máy chiếu đa năng...

+ Học liệu: Giáo viên sử dụng tranh, ảnh, video liên quan.

+ Phiếu học tập: Sử dụng các phiếu học tập trong dạy học đọc.

**2. Học sinh**

- Đọc phần Kiến thức ngữ văn và hướng dẫn đọc văn bản thông tin nói chung.

- Đọc trước văn bản *Tiếng Việt lớp trẻ bây giờ* ; chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.

- Chuẩn bị một số dẫn chứng về hiện tượng nói và viết tiếng Việt thiếu trong sáng mà em biết.

**III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**c. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (Phương pháp vấn đáp):**  **\* Cho học sinh nghe bài hát *Tiếng Việt –* Nhạc: Lê Tâm, Lời thơ: Lưu Quang Vũ.**  **\*** Giáo viên lựa chọn một số dòng chữ chat, viết, nói... của học sinh:  - Em hãy đọc các dòng chữ sau?  - Em hãy cho biết nội dung của những dòng chữ đó.  - Em cảm thấy như thế nào khi đọc những dòng chữ đó?  - Những dòng chữ này phản ánh hiện tượng gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**   * Học sinh suy nghĩ và trả lời. * Giáo viên động viên, khuyến khích học sinh.   **Bước 3: Báo cáo kết quả:** những câu trả lời của học sinh  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** Nhận xét câu trả lời của học sinh, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới. | **- Học sinh tự do trình bày quan điểm của mình về những dòng chữ được trình chiếu.** |

**🡺 Giáo viên dẫn vào bài:** Chúng ta đã đọc hiểu qua hai văn bản thông tin: *Phải coi luật pháp như khí trời để thở* của tác giả Lê Quang Dũng; *Tạ Quang Bửu – người thầy thông thái* của nhà báo Hàm Châu. Cả hai văn bản trên đều cung cấp cho ta những hiểu biết, định hướng thái độ, cách sống cho chúng ta theo hướng tích cực. Và qua phần khởi động trên, chúng ta phần nào đã đoán ra bài học thực hành hôm nay, văn bản thông tin này rất gần với các em, có lẽ còn có cả các em trong đó. Vậy ta thử tìm hiểu xem nó sẽ đem lại lợi ích gì cho mình. Mời các em chúng ta cùng tìm hiểu văn bản *Tiếng Việt lớp trẻ bây giờ* của tác giả Phạm Văn Tình.

**HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC VÀ TÌM HIỂU CHUNG**

**Hoạt động 2.1: Đọc hiểu khái quát về văn bản**

**a. Mục tiêu**: Hướng dẫn học sinh vận dụng kĩ năng đọc hiểu văn bản thông tin đã được học ở những bài trước để đọc hiểu khái quát văn bản.

**b. Sản phẩm:** Các câu trả lời của các đội nhóm học tập.

**c. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Tìm hiểu về văn bản *Tiếng Việt lớp trẻ bây giờ***  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Giáo viên yêu cầu học sinh đọc thông văn bản (các hoạt động đọc như đọc lướt, đọc thầm, đọc có dừng lại, đọc thông không dừng lại lần 1... học sinh đã phải hoàn thành ở nhà trước đó)  + Giáo viên đọc mẫu một đoạn rồi gọi một vài học sinh khác đọc theo đoạn.  **- Giáo viên tổ chức cho học sinh tham gia cuộc thi “Đường lên đỉnh Ôlimpia – phiên bản của chúng mình” – cuộc thi này được duy trì cho hết bài học.**  **🡪** Giáo viên chia lớp thành 8 nhóm  + Chặng 1: Khởi động  . Giáo viên sẽ lần lượt chiếu các từ chìa khóa liên quan đến phần đọc hiểu khái quát văn bản.  . Tất cả các nhóm đều có quyền trả lời, nhóm nào phất cờ nhanh nhất sẽ được trả lời, nếu nhóm trước trả lời sai, thiếu, nhóm sau, phất cờ nhanh nhất, sẽ tiếp tục trả lời.  . Nhóm trả lời:   * đầy đủ các ý của chủ đề từ từ/ cụm từ chìa khóa gợi ý 🡪 được 2 sao; * trả lời được một nửa số ý sẽ được 1 sao; * trả lời hơn một nửa sẽ được 1,5 sao; * trả lời được dưới một nửa số ý sẽ được 0.5 sao.   . Các nhóm khác trả lời hoặc bổ sung, sửa chữa cũng sẽ được các sao tương đương như trên.  + Từ chìa khóa 1*: Tác giả.*  *+* Từ chìa khóa 2: *Xuất xứ*  *+* Từ chìa khóa 3: *Thể loại*  *+* Từ chìa khóa 4: *Phương thức biểu đạt chính*  *+* Từ chìa khóa 5: *Đề tài*  *+* Từ chìa khóa 6:  *Nhan đề*  *+* Từ chìa khóa 7: *Bố cục*  *+* Từ chìa khóa 8: *Phương tiện biểu hiện*  *+* Từ chìa khóa 9: *Mô hình cấu trúc*  **Bước 2. Học sinh thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm suy nghĩ, trả lời.  - Giáo viên quan sát, hỗ trợ góp ý.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Giáo viên sẽ gọi bất kì một thành viên (hoặc đưa ra luật: một thành viên của nhóm không được trả lời quá một từ chìa khóa) của nhóm để trả lời, trả lời bổ sung.  - Các học sinh còn lại của lớp ghi chép, bổ sung.  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  - Giáo viên chuẩn hoá, chốt kiến thức.  - Thư kí, ghi lại số sao đã đạt được của các nhóm. | **I. Đọc hiểu khái quát văn bản**  **1. Đọc văn bản**  - Đọc  **2. Tác giả**  **- Phó giáo sư - tiến sĩ Phạm Văn Tình (**Tổng thư ký Hội Ngôn ngữ học Việt Nam)  - Sinh năm 1954, quê ở Nam Định  **3. xuất xứ:**  văn bản được trích trên trang phunuonline.com.vn, ra ngày 28/07/2020.  **4. Thể loại:**Văn bản thông tin tổng hợp  ***5. Phương thức biểu đạt chính****:* Thuyết minh  **6. Đề tài:**Việc sử dụng tiếng Việt của lớp trẻ bây giờ  **7. Nhan đề:**  - Được lược đi một phần.  - Nguyên văn nhan đề: *Tiếng Việt lớp trẻ bây giờ - “Ghét như con bọ chét”.*  **8. Bố cục**  - Nhan đề.  - Sa pô.  - Nội dung chính của văn bản:  + Phần 1: Từ việc phá vỡ các chuẩn mực chính tả...  + Phần 2: ... đến thay đổi và lệch chuẩn ngôn từ.  + Phần 3: Nên nhìn nhận thế nào từ góc độ ngôn ngữ học?  **9. Phương tiện biểu hiện**  - Phương tiện ngôn ngữ (chữ viết)  - Phương tiện phi ngôn ngữ (hình ảnh)  **10. Mô hình cấu trúc của văn bản:**Vấn đề - giải pháp. |

**HOẠT ĐỘNG 3: TỔ CHỨC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**a. Mục tiêu:**

-Giúp học sinh biết cách đọc văn bản thông tin theo mô hình cấu trúc vấn đề - giải pháp, góp phần phát triển năng lực văn học, ngôn ngữ.

- Giúp học sinh nắm được các đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản.

+ Tìm hiểu thông tin chi tiết trong văn bản và đánh giá giá trị, ý nghĩa của những thông tin đó với thực tiễn đời sống.

+ Nắm được những đặc điểm về hình thức nghệ thuật của văn bản thông tin: nhan đề, cách đặt các tiêu đề, cách kết hợp các phương thức biểu đạt,…

+ Nhận ra được thái độ, quan điểm của người viết đối với vấn đề đặt ra trong văn bản.

**b. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

**c. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **1. Hướng dẫn học sinh tìm hiểu đặc điểm nội dung của văn bản**  **- Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Giáo viên tổ chức cho học sinh tham gia cuộc thi “Đường lên đỉnh Ôlimpia – phiên bản của chúng mình” - chặng 2: Vượt chướng ngại vật**  **🡪 Nhiệm vụ**:  + Các nhóm lần lượt trả lời các câu hỏi được đưa ra (liên quan đến bài học)  + Thời gian suy nghĩ, thảo luận: 2’.  + Giáo viên sẽ gọi bất kì một thành viên nào của nhóm để đại diện trả lời câu hỏi.  + Nhóm trả lời:   * đầy *đủ* các ý của chủ đề từ từ/ cụm từ chìa khóa gợi ý 🡪 được 2 sao; * trả lời được một nửa số ý sẽ được 1 sao; * trả lời hơn một nửa sẽ được 1,5 sao; * trả lời được dưới một nửa số ý sẽ được 0.5 sao.   + Nhóm trả lời được quyền chọn ngôi sao hi vọng:   * Trả lời đúng, thiếu: được nhân đôi số điểm tương ứng. * Trả lời sai – trừ số điểm tương ứng (không đúng – 2 sao)   . Nhóm trả lời:   * đầy đủ các ý của câu hỏi 🡪 được 4 sao; * trả lời được một nửa số ý sẽ được 2 sao; * trả lời hơn một nửa sẽ được 3 sao; * trả lời được dưới một nửa số ý sẽ được 1 sao.   + Các nhóm khác có quyền trả lời, bổ sung, sửa chữa câu trả lời của nhóm trả lời chính (điểm của nhóm sẽ là điểm “cướp” được của nhóm trả lời chính)  . Trả lời:   * đầy đủ các ý của câu hỏi 🡪 được 2 sao; * trả lời được một nửa số ý sẽ được 1 sao; * trả lời hơn một nửa sẽ được 1,5 sao; * trả lời được dưới một nửa số ý sẽ được 0.5 sao.   + Câu hỏi của các nhóm:  . Nhóm 1: Hãy nêu nội dung chính của văn bản. Để nắm được nội dung văn bản nhanh nhất, ta nên làm thế nào?  . Nhóm 2: Trong văn bản, biểu hiện của việc *phá vỡ các chuẩn mực chính tả...* khi nói/viết tiếng Việt của người trẻ là gì?  . Nhóm 3: Theo tác giả, việc *thay đổi và lệch chuẩn ngôn ngữ* khi nói/viết tiếng Việt của người trẻ được biểu hiện như thế nào? Điều đáng nói được tác giả đề cập đến ở đây là gì? Tại sao nó lại là điều đáng nói?  . Nhóm 4: Trong phần *Nên nhìn nhận thế nào từ góc độ ngôn ngữ học?,* tác giả đã bày tỏ quan niệm như thế nào về việc sáng tạo ngôn ngữ của người Việt trẻ?  . Nhóm 5: Trong phần *Nên nhìn nhận thế nào từ góc độ ngôn ngữ học?,* tác giả đã đề xuất những giải pháp nào để giải quyết vấn đề sử dụng tiếng Việt của người trẻ hiện nay?  . Nhóm 6: Trong văn bản, thái độ của người viết được thể hiện như thế nào? Hãy chứng minh bằng một số câu văn cụ thể.  . Nhóm 7: Trong văn bản, tác giả sử dụng các kí hiệu 8X, 9X, Y2K...; trích dẫn bài viết của Giâu, của giáo sư Nguyễn Đức Dân; nói đến *Từ điển từ mới tiếng* Việt, sử dụng hình ảnh. Theo em, tác dụng của những việc trên là gì?  . Nhóm 8: Trong văn bản, ngoài phương thức biểu đạt chính là thuyết minh, tác giả còn sử dụng một phương thức biểu đạt nổi bật nào khác? Chứng minh bằng ba câu văn dẫn chứng.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  ***- Các nhóm lần lượt suy nghĩ, trao đổi trong 2 phút 🡪 trả lời.***  - Giáo viên theo dõi, hỗ trợ cho học sinh (nếu học sinh gặp khó khăn).  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - Giáo viên sẽ gọi bất kì một thành viên của nhóm để trả lời, trả lời bổ sung.  - Các học sinh còn lại của lớp ghi chép, bổ sung.  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  - Giáo viên chuẩn hoá, chốt kiến thức.  - Thư kí, ghi lại số sao đã đạt được của các nhóm. | **II. Đọc - hiểu chi tiết văn bản**  **1. Đặc điểm nội dung của văn bản**  ***1.1. Nội dung chính của văn bản***  - Văn bản đề cập đến vấn đề giới trẻ hiện nay đang sử dụng tiếng Việt một cách “rất phức tạp, nếu không nói là hỗn tạp” cả về các chuẩn mực chính tả lẫn chuẩn ngôn ngữ.  - Có thể khái quát nhanh nội dung văn bản thông qua: nhan đề, sa – pô, các dòng chữ in đậm của văn bản.  ***1.2. Các ý chính của văn bản***  a. Vấn đề việc sử dụng tiếng Việt trong nói/ viết của người trẻ.  \* Việc người trẻ *phá vỡ các chuẩn mực chính tả* khi nói/viết tiếng Việt được thể hiện ở:  - Thay nguyên âm này bằng nguyên âm kia hoặc bỏ nguyên âm ( nguyên âm u cho ô 🡪 lun; thui.  - Bỏ một số phụ âm ( nhưng 🡪 nhưg; vâng 🡪 vâg; kinh khủng 🡪 kin khủg...)  - Thay phụ âm ghep bằng chữ cái không có trong tiếng Việt ( qu 🡪 w: quá 🡪 wá, quê 🡪 wê...)  - Viết tắt với rất nhiều dạng khác nhau: 2!, G9, ko, no vđ...)  \*Việc người trẻ *thay đổi và lệch chuẩn ngôn ngữ*  - Sáng tạo ra nhiều kiểu nói:  + Dựa trên hiện tượng đồng âm nối từ (của các từ đã có kết hợp với một từ khác). Ví dụ: a kay – chim cú = cay cú; cá kiếm = kiếm tìm; ca mơ run = run (sợ)...  + “Mở rộng” tổ hợp theo vần điệu vốn có. Ví dụ: ghét như con bọ chét (ghét), ngất ngây con gà tây (thích thú), cướp trên giàn mướp ( giành, tranh cướp), ...  - Sử dụng tiếng lóng riêng cho hội nhóm của mình 🡪 nhiều nhóm học sinh tạo ra nhiều “teencode” (mã ngôn ngữ tuổi teen) – đây là điều đáng nói, đáng chú ý. Bởi chúng đã làm *nảy sinh* rất nhiều loại tiếng lóng khác nhau *theo kiểu “trăm hoa đua nở”,* khiến ngôn ngữ trở nên *hỗn loạn, khó kiểm soát.*  b. Giải pháp cho vấn đề trên  - Tác giả bày tỏ quan niệm của mình về việc sáng tạo ngôn ngữ của người Việt trẻ:  + Đó là việc *bình thường... Nó hoàn toàn không vô bổ, mà có giá trị kích thích sự hưng phấn, giúp giới trẻ có cảm hứng để làm việc và học tập hăng say, hiệu quả hơn.*  + Tuy nhiên, *tiếng Việt của giới trẻ* cũng *đang là một tiếng Việt rất phức tạp, nếu không nói là hỗn tạp.* 🡪 nhiều mặt tốt – xấu đan xen, không thuần nhất, khó hiểu, khó nắm bắt, có thể dễ làm mất đi sự trong sáng, phát triển theo hướng tích cực của tiếng Việt.  - Ông nêu giải pháp cho vấn đề:  + Cần có sự chọn lọc những “phát minh” ngôn ngữ của người Việt trẻ được cộng đồng chấp nhận và nhập vào ngôn ngữ toàn dân – cách giúp tiếng Việt phát triển.  + Cần học tập một cách thấu đáo, tường tận (thụ đắc) tiếng Việt và trau dồi thư tiếng mẹ đẻ này.  ***1.3. Thái độ của người viết về vấn đề đặt ra trong văn bản***  - Bình tĩnh, ôn hòa, có ghi nhận nhưng cũng bác bỏ nhưng không gay gắt; nhìn nhận, phân tích, đánh giá hiện tượng một cách khoa học, khách quan.  - Một số biểu hiện:  + *Nếu chỉ thế thôi thì có thể chấp nhận. Vì dù sao cũng tạo nên lối nói tếu táo, cho vui, được biện minh là giúp “xả stress, giảm căng thẳng”.*  *+ Chính vì nảy sinh theo kiểu “trăm hoa đua nở” nên các “teencode” này tạo nên sự hỗn loạn, khó kiểm soát.*  *+ Chuyện giới trẻ (hay một giới nào đó) tạo ra một số từ ngữ, cách nói riêng cũng là bình thường... Nó hoàn toàn không vô bổ, mà có giá trị kích thích sự hưng phấn, giúp giới trẻ có cảm hứng để làm việc và học tập hăng say, hiệu quả hơn.*  *+ Tiếng Việt của giới trẻ đang là một tiếng Việt rất phức tạp, nếu không nói là hỗn tạp... Sẽ có không ít những ngôn từ giới trẻ “phát minh” được cộng đồng chấp nhận và nhập vào ngôn ngữ toàn dân. Nhưng cũng không ít từ ngữ “teencode” kia chẳng bao lâu sẽ “chết yểu”, không có cơ hội tồn tại. Cũng bởi bản chất của nó chỉ là một trò chơi nhất thời, không hơn không kém.*  *+ Ở đời, cái gì cũng có ngưỡng của nó. Thái quá bất cập. Điều đáng tiếc là nhiều bạn trẻ bây giờ chỉ mải mê với những “sáng tạo” lạ kì đó mà quên mất việc học và trau dồi tiếng mẹ đẻ... Không chịu học nghiêm chỉnh khi còn trẻ thì sẽ không còn cơ hội nữa.*  **2. Đặc điểm hình thức của văn bản**  **2.1 Hình thức trình bày**  a. Có sự kết hợp của:  - Phương tiện ngôn ngữ (chữ viết).  - Phương tiện phi ngôn ngữ (hình ảnh)  🡪 tạo ấn tượng mạnh hơn cho người đọc.  b. Có sự kết hợp của:  - Ngôn ngữ của tác giả.  - Các kí hiệu 8X, 9X, Y2k...  - Trích dẫn bài viết của Giâu, của giáo sư Nguyễn Đức Dân; nói đến *Từ điển từ mới tiếng* Việt.  🡺 Tạo tính hấp dẫn, khách quan, gần gũi với người đọc (đặc biệt là giới trẻ - chủ nhân của thứ tiếng Việt mà tác giả đang đề cập) 🡪 tăng hiệu quả “giao tiếp”.  **2.2. Phương thức biểu đạt:** thuyết minh và nghị luận 🡪 vừa cung cấp thông tin, vừa bày tỏ rõ thái độ, quan niệm của tác giả về vấn đề được đề cập trong văn bản. |
| **2. Luyện tập, liên hệ, mở rộng, kết nối**  **\* Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: Giáo viên giao nhiệm vụ:**  **- Giáo viên yêu cầu học sinh vẽ sơ đồ cách đọc hiểu văn bản thông tin *Tiếng Việt lớp trẻ bây giờ.***  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**   * Học sinh làm việc cá nhân theo yêu cầu của nhiệm vụ được giao * Giáo viên gợi ý, theo dõi, quan sát học sinh, hỗ trợ (nếu học sinh gặp khó khăn).   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-**  Giáo viên gọi đại diện một số học sinh chia sẻ sản phẩm.  - Các học sinh khác lắng nghe, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  Giáo viên nhận xét.  **\* Nhiệm vụ 2:**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  [Kỹ thuật “Viết tích cực”](https://tusach.thuvienkhoahoc.com/wiki/C%C3%A1c_k%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt_d%E1%BA%A1y_h%E1%BB%8Dc_t%C3%ADch_c%E1%BB%B1c/K%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt_%E2%80%9CVi%E1%BA%BFt_t%C3%ADch_c%E1%BB%B1c%E2%80%9D), kĩ thuật công não.  **Câu hỏi trên lớp:** Văn bản *Tiếng Việt lớp trẻ bây giờ* mang lại cho em những thông tin và những nhận thức bổ ích gì? Hãy nêu ra một số ví dụ cụ thể về việc sử dụng tiếng Việt không trong sáng mà em đã chứng kiến, biết được hoặc đã, đang sử dụng.  **Câu hỏi về nhà:** Hãy viết một đoạn văn (khoảng 10 – 12 dòng) lí giải vì sao phải gìn giữ sự trong sáng của tiếng Việt  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  Học sinh suy nghĩ và làm việc độc lập  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  **-** Giáo viêngọi 1 số học sinh báo cáo sản phẩm học tập.  - Các học sinh khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** Giáo viên nhận xét và chỉnh sửa (nếu cần). | **III. Luyện tập, liên hệ, mở rộng, kết nối**  **- Sản phẩm tự do của học sinh theo yêu cầu của các nhiệm vụ**  **- Học sinh chuẩn bị ý kiến cá nhân của mình 🡪 trao đổi, thảo luận.** |

**HOẠT ĐỘNG 4: TỔNG KẾT**

**a. Mục tiêu:** Giúp học sinh

- Khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

**b. Sản phẩm:** Câu trả lời của nhóm và phiếu học tập của học sinh đã hoàn thành.

**c. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên tổ chức cho học sinh tham gia cuộc thi “Đường lên đỉnh Ôlimpia – phiên bản của chúng mình” - chặng 3: Về đích**  - 8 đội cùng trả lời hai câu hỏi liên quan đến nội dung – ý nghĩa và đặc điểm nghệ thuật của văn bản.  - Thời gian trả lời: 3 phút.  - Hình thức: Các nhóm sẽ thảo luận, ghi ra giấy ý kiến thống nhất của nhóm 🡪 hết giờ, dán lên bảng.  - Trả lời:   * đầy đủ các ý của câu hỏi 🡪 được 2 sao; * trả lời được một nửa số ý sẽ được 1 sao; * trả lời hơn một nửa sẽ được 1,5 sao; * trả lời được dưới một nửa số ý sẽ được 0.5 sao.   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - Nhóm suy nghĩ, thảo luận và ghi ra giấy.  - Giáo viên hướng theo dõi, quan sát học sinh thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu học sinh gặp khó khăn).  **Bước 3: Báo cáo**  **-** Học sinh dán kết quả của nhóm lên bảng  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  **- Giáo viên đánh giá, sửa chữa, bổ sung (nếu có) 🡪 chốt kiến thức.**  **- Thư kí ghi số điểm của các nhóm.** | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung – ý nghĩa**  - Văn bản cung cấp cho người đọc những thông tin về vấn đề sử dụng tiếng Việt của người trẻ hiện nay : cái được, cái chưa được với thái độ khách quan, ôn hòa; từ đó đề xuất giải pháp khắc phục những cái còn bất cập, chưa tốt.  - Khơi dậy ý thức trách nhiệm gìn giữ, bảo vệ, phát triển tiếng Việt cũng như sự trong sáng của tiếng Việt – tài sản vô giá của dân tộc.  **2. Nghệ thuật**  - Thông tin chính xác, khoa học, gần gũi.  - Trình tự trình bày thông tin theo nguyên nhân – kết quả 🡪 dễ tiếp nhận.  - Huy động cả hai kênh : ngôn ngữ và phi ngôn ngữ trong hình thức trình bày 🡪 hấp dẫn, ấn tượng  - Kết hợp phương thức thuyết minh với nghị luận là chính. |

**PHỤ LỤC**

**PHIẾU HỌC TẬP PHÁT TRƯỚC CHO HỌC SINH CHUẨN BỊ BÀI**

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HT 01: Đọc kĩ văn bản *Tiếng Việt lớp trẻ bây giờ*  (cả phần chú thích)**  **và trả lời các câu hỏi sau:** | |
| **Câu hỏi tìm ý** | **Trả lời** |
| - Nêu những hiểu biết về tác giả Phạm Văn Tình | ................................................................................  ................................................................................ |
| - Nêu xuất xứ của văn bản. | ................................................................................  ................................................................................ |
| - Xác định thể loại, phương thức biểu đạt chính của văn bản. | ................................................................................  ................................................................................ |
| - Đề tài của văn bản là gì? Em dựa vào đâu để xác định điều đó? | ................................................................................  ................................................................................ |
| - Nhan đề đầy đủ của văn bản là gì? | ................................................................................  ................................................................................ |
| * Nêu bố cục của văn bản. | ................................................................................  ................................................................................ |
| - Thông tin trong văn bản được triển khai theo mô hình cấu trúc nào? | ................................................................................  ................................................................................ |

**PHIẾU HỌC TẬP 02:**

**Tìm hiểu văn bản *Tiếng Việt lớp trẻ bây giờ***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung tìm hiểu** | **Phần tìm hiểu được của cá nhân** | **Phần cá nhân thấy cần được bổ sung qua hoạt động nhóm** |
| 1. Hãy nêu nội dung chính của văn bản. Để nắm được nội dung văn bản nhanh nhất, ta nên làm thế nào?  2. Trong văn bản, biểu hiện của việc *phá vỡ các chuẩn mực chính tả...* khi nói/viết tiếng Việt của người trẻ là gì?  3. Theo tác giả, việc *thay đổi và lệch chuẩn ngôn ngữ* khi nói/viết tiếng Việt của người trẻ được biểu hiện như thế nào? Điều đáng nói được tác giả đề cập đến ở đây là gì? Tại sao nó lại là điều đáng nói?  4. Trong phần *Nên nhìn nhận thế nào từ góc độ ngôn ngữ học?,* tác giả đã bày tỏ quan niệm như thế nào về việc sáng tạo ngôn ngữ của người Việt trẻ?  5. Trong phần *Nên nhìn nhận thế nào từ góc độ ngôn ngữ học?,* tác giả đã đề xuất những giải pháp nào để giải quyết vấn đề sử dụng tiếng Việt của người trẻ hiện nay?  6. Trong văn bản, thái độ của người viết được thể hiện như thế nào? Hãy chứng minh bằng một số câu văn cụ thể.  7. Trong văn bản, tác giả sử dụng các kí hiệu 8X, 9X, Y2K...; trích dẫn bài viết của Giâu, của giáo sư Nguyễn Đức Dân; nói đến *Từ điển từ mới tiếng* Việt, sử dụng hình ảnh. Theo em, tác dụng của những việc trên là gì?  8. Trong văn bản, ngoài phương thức biểu đạt chính là thuyết minh, tác giả còn sử dụng một phương thức biểu đạt nổi bật nào khác? Chứng minh bằng ba câu văn dẫn chứng. |  |  |